

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2023/DS-ST**
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Hoàng

Bà Nguyễn Thị Thu Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1986; cư trú tại: **Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh**.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Dương Đức K**, sinh năm 1985, cư trú tại: **Tổ F, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh**.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1973 và chị **Trần Thị Kim H1**, sinh năm 1975; cùng cư trú tại: **Tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà **H** có bán cám cho ông **C**, bà **H1** từ năm 2016 đến năm 2018 thì ngưng không bán nữa.

Từ ngày 08-9-2016 đến ngày 16-7-2017, bà **H** bán cám cho ông **C**, bà **H1** và ông **C**, bà **H1** còn nợ lại tổng cộng là 100.000.000 đồng. Đây là khoản nợ tiền cám của bầy heo cũ.

Từ ngày 28-7-2017 bà **H** bán cám cho ông **C**, bà **H1** nuôi bầy heo mới, tính đến ngày 28-9-2017 là 50.370.000 đồng.

Đối với tiền nợ của bầy heo cũ, ngày 28-9-2017, ông **C** có trả 32.000.000 đồng còn nợ lại là 68.000.000 đồng. Số tiền nợ của bầy heo cũ cộng với tiền nợ mới 50.370.000 đồng là 118.370.000 đồng.

Từ ngày 13-10-2017 bà **H** tiếp tục bán cám cho ông **C**, bà **H1** đến ngày 08-01-2018, tính tổng còn nợ là 139.270.000 đồng.

Ngày 30-01-2018 ông **C**, bà **H1** trả được số tiền là 28.000.000 đồng, ngày 24-8-2018 có trả 25.000.000 đồng; ngày 05-02-2021 có trả 5.000.000 đồng; ngày 16-4-2021 có trả 2.000.000 đồng; ngày 28-5-2021 có trả 2.000.000 đồng; ngày 09-7-2021 có trả 2.000.000 đồng. Hiện nay, ông **C** bà **H1** còn nợ lại bà **H** là 75.270.000 đồng.

Mỗi lần bà **H** bán cám cho ông **C**, bà **H1** đều có ghi sổ theo dõi về thời gian số lượng và có ông **C** ký xác nhận 14 chữ ký nên ông **C** cho rằng giai đoạn từ 28-7-2017 không có mua cám của bà **H** là không đúng. Sổ theo dõi nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án.

Nay bà **H** khởi kiện yêu cầu ông **C**, bà **H1** trả nợ gốc là 75.270.000 đồng, nợ lãi từ ngày 08-01-2018 tạm tính đến ngày 08-01-2023 là 37.600.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – ông **Trần Văn C trình bày:**

Ông thừa nhận có mua cám của bà **H** từ ngày 08-9-2016 đến ngày 16-7-2017, còn nợ lại tổng cộng là 100.000.000 đồng. Sau đó ông đã trả cho bà **H** nhiều lần vào ngày 28-9-2017 là 32.000.000 đồng và năm 2021 không nhớ ngày nào có

trả tiền cho bà H 04 lần gồm lần 5.000.000 đồng, 03 lần 2.000.000 đồng, tổng cộng là 11.000.000 đồng.

Trong sổ theo dõi mua bán ông giao nộp cho Tòa án, tại mục ghi ngày 28/9 trả 32.000.000 đồng do ông giao cho anh Đ là người làm công của bà H, còn lại 68.000.000 đồng, ghi chữ “Cũ” để xác định đây là nợ cũ, chốt nợ ngày 16-7-2017.

Từ sau ngày 16-7-2017 ông không có mua cám của bà H nữa, 14 chữ ký “C” trong sổ theo dõi do nguyên đơn cung cấp ghi từ 28-7-2017 đến 08-01-2018 không phải do ông ký, ông không yêu cầu giám định chữ ký.

Ông nuôi heo tại nhà ở của mình thuộc ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông nuôi heo chỉ mua cám của bà H, không mua của đại lý, cửa hàng nào khác.

Ông không nhớ nuôi heo đến khi nào thì ngưng, đến khi có dịch tả Châu Phi thì không có nuôi nữa, bà H cũng ngưng bán cám nên ông cũng ngừng nuôi heo.

Sau khi ngừng nuôi heo thì ông trồng chanh, làm vườn tại nhà.

Nay ông xác định chỉ còn nợ lại bà H 57.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho bà H 57.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Bị đơn – bà Trần Thị Kim H1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông C, chỉ đồng ý trả cho bà H 57.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông C, bà H1, buộc ông C, bà H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tiền nợ gốc là 75.270.000 đồng; tiền nợ lãi chậm trả từ ngày 10-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Hồng H** khởi kiện ông **Trần Văn C**, **Trần Thị Kim H1**, cư trú tại: **Tổ A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh**, yêu cầu trả tiền cám còn nợ là 75.270.000 đồng và tiền nợ lãi. Do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán là đúng theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Ông **C**, bà **H1** thừa nhận có mua bán cám với bà **H** từ ngày 08-9-2016 đến ngày 16-7-2017, chốt tiền nợ là 100.000.000 đồng.

Bà **H** khai ngày 28-7-2017 đến ngày 08-01-2018, bà tiếp tục bán cám cho ông **C**, bà **H1**, có ghi sổ theo dõi và có chữ ký “**C**” về việc giao nhận cám và trả tiền, chốt nợ. Ông **C** đã được tiếp cận chứng cứ là sổ theo dõi mua cám, có chữ ký của ông do bà **H** cung cấp, ông phản đối nhưng không yêu cầu giám định chữ ký. Tại phiên tòa, ông thừa nhận mỗi lần bà **H** giao cám thì ông có ký nhận. Ngoài ra, ông cũng thừa nhận trong sổ theo dõi mua bán do ông cung cấp tại trang chốt nợ, trả tiền ngày 28-9-2017 có ghi chữ “cũ” để phân biệt tiền nợ cũ, nợ mới, chữ “cũ” ghi chú khoản nợ 100.000.000 đồng chốt nợ ngày 16-7-2017 là nợ cũ.

Như vậy, ông **C** phủ nhận việc mua bán cám với bà **H** giai đoạn từ sau ngày 28-7-2017 nhưng các tài liệu chứng cứ và lời khai của ông **C** thể hiện việc mua bán cám là có thật. Do đó, cần xác định hợp đồng mua bán cám giữa bà **H** và vợ chồng ông **C**, bà **H1** diễn ra từ ngày 08-9-2016 đến ngày 08-01-2018, với số tiền chốt nợ là 139.270.000 đồng.

[3] Bà **H** thừa nhận ông **C**, bà **H1** đã trả 32.000.000 đồng ngày 28-9-2017; ngày 30-01-2018 trả được 28.000.000 đồng, ngày 24-8-2018 có trả 25.000.000 đồng; ngày 05-02-2021 có trả 5.000.000 đồng; ngày 16-4-2021 có trả 2.000.000 đồng; ngày 28-5-2021 có trả 2.000.000 đồng; ngày 09-7-2021 có trả 2.000.000 đồng; tổng cộng còn nợ lại là 75.270.000 đồng. Việc bà **H** thừa nhận ông **C**, bà **H1** trả nợ như trên phù hợp với các chứng cứ và có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận, xác định số tiền nợ gốc còn lại là 75.270.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tiền lãi chậm trả thì thấy rằng, bên mua là ông C, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi chậm trả theo khoản 3 Điều 440 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu trả tiền lãi chậm trả từ ngày 10-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 08-01-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nhưng chưa được thụ lý bổ sung; hơn nữa, ngày cuối cùng ông C, bà H1 ngừng thanh toán cho bà H là ngày 10-7-2021, các bên không thỏa thuận gì về việc chịu tiền lãi chậm trả nên cần xác định việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải từ ngày 10-7-2021.

Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 10-7-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là: $75.270.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 12.984.000 \text{ đồng}$.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc vợ chồng ông C, bà H1 phải trả tiền nợ gốc 75.270.000 và tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.984.000 đồng, tổng cộng là 88.254.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Bà H không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông C, bà H1 cùng phải chịu tiền án phí là $88.254.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.413.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H đối với ông

Trần Văn C và bà **Trần Thị Kim H1** về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông **Trần Văn C** và bà **Trần Thị Kim H1** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Hồng H** 88.254.000 (tám mươi tám triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 75.270.000 đồng, tiền nợ lãi là 12.984.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **H** không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho **Nguyễn Thị Hồng H** 1.882.000 (một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà **H** đã nộp theo Biên lai thu số: 0017722 ngày 07-10-2022.

Ông **C**, bà **H1** cùng phải chịu tiền án phí là 4.413.000 (bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn) đồng.

3. Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hồ Thị Bảo Ngọc